

CHÍNH PHỦ**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 13/2001/
ND-CP ngày 20/4/2001 về bảo hộ
giống cây trồng mới.****CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 28 tháng 10 năm 1995;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

NGHỊ ĐỊNH:*Chương I***NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1.** Phạm vi áp dụng.

1. Nghị định này ban hành nhằm bảo hộ quyền lợi của các tổ chức, cá nhân chọn tạo hoặc có quyền thừa kế hợp pháp các giống cây trồng mới trên lãnh thổ Việt Nam (bao gồm giống cây nông nghiệp và giống cây lâm nghiệp, trong Nghị định này được gọi là giống cây trồng mới); khuyến khích tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế đầu tư chọn tạo, sử dụng giống cây trồng mới; góp phần phát triển nông nghiệp và nông thôn.

2. Nghị định này quy định các nguyên tắc, điều kiện được cấp Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới (gọi tắt là Văn bằng bảo hộ); trình tự, thủ tục cấp Văn bằng bảo hộ; quyền lợi và nghĩa vụ của chủ sở hữu Văn bằng bảo hộ; đình chỉ, hủy bỏ Văn bằng bảo hộ; quản lý nhà nước và xử phạt liên quan đến bảo hộ giống cây trồng mới.

3. Giống cây trồng mới của các tổ chức, cá nhân thuộc các nước cùng Việt Nam ký kết hoặc tham gia điều ước quốc tế về bảo hộ giống cây trồng mới được bảo hộ tại Việt Nam theo quy định tại Nghị định này trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác.

4. Giống cây trồng mới do tổ chức, cá nhân trong nước chọn tạo có liên quan đến lợi ích của quốc gia cần bảo mật được thực hiện theo quy định riêng của Nhà nước.

Điều 2. Giải thích từ ngữ.

Trong Nghị định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Giống cây trồng" là nhóm cây trồng trong cùng một cấp thấp nhất về phân loại thực vật, nhóm cây trồng đó cần phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Nhận biết được bằng sự biểu hiện của các đặc tính do kiểu gen quy định;

b) Phân biệt được với bất kỳ nhóm cây trồng nào khác thông qua sự biểu hiện của ít nhất một đặc tính như đã nêu tại điểm a khoản này;

c) Ổn định trong quá trình nhân giống.

2. "Giống cây trồng mới" là giống cây trồng có tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định và chưa được biết đến rộng rãi.

3. "Giống cây trồng mới được bảo hộ" là giống cây trồng mới được cấp Văn bằng bảo hộ.

4. "Giống cây trồng có nguồn gốc thực chất từ giống được bảo hộ" là giống cây trồng mới được tạo ra từ giống được bảo hộ (giống ban đầu) bằng một số phương pháp chọn tạo, ví dụ: chọn lọc biến dị (các đột biến tự nhiên hay nhân tạo, các biến dị soma, chọn lọc cá thể biến dị từ cây ban đầu), lai trở lại, chuyển nạp gen, dung hợp tế bào, về cơ bản vẫn giữ được các đặc tính như giống ban đầu, chỉ khác biệt với giống ban đầu ở một hoặc một số ít đặc tính.

5. “Giống cây trồng được biết đến rộng rãi” bao gồm:

a) Những giống cây trồng mới được Nhà nước bảo hộ;

b) Những giống cây trồng mới có đơn yêu cầu bảo hộ được cơ quan có thẩm quyền công bố trên tạp chí chuyên ngành;

c) Những giống cây trồng được công nhận giống quốc gia;

d) Những giống cây trồng đặc sản địa phương được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận;

đ) Những giống quy định tại điểm a, điểm b khoản này của những nước có ký kết hiệp định về bảo hộ giống cây trồng mới với Việt Nam.

6. “Vật liệu nhân” là cây hoàn chỉnh hoặc các bộ phận của cây như: hạt, cây giống, cành chiết, mắt ghép, mô, tế bào, củ mầm, đoạn thân được sử dụng để sản xuất ra các cây trồng mới.

7. “Sản phẩm thu hoạch” là cây hoàn chỉnh hoặc bất cứ bộ phận nào của cây thu được từ việc gieo trồng vật liệu nhân của giống được bảo hộ.

8. “Tác giả giống cây trồng mới” là cá nhân hoặc nhóm người đã sử dụng nguồn gen cây trồng để chọn tạo hoặc cải tạo các cây hoang dại để tạo ra giống cây trồng mới.

9. “Chủ sở hữu Văn bằng bảo hộ” là tổ chức, cá nhân được cấp Văn bằng bảo hộ hoặc được chuyển nhượng, thừa kế Văn bằng bảo hộ có quyền sở hữu hợp pháp giống cây trồng mới.

10. “Khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định” (sau đây gọi tắt là khảo nghiệm DUS) là việc khảo nghiệm trên đồng ruộng hay trong phòng thí nghiệm theo quy phạm để xác định tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống cây trồng mới.

11. “Lixăng” là việc chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng cho người có nhu cầu sử dụng.

Điều 3. Nguyên tắc chung về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng mới.

1. Nhà nước công nhận và bảo hộ quyền đối với giống cây trồng mới dưới hình thức cấp Văn bằng bảo hộ.

2. Mọi hoạt động chọn tạo, sản xuất, kinh doanh và sử dụng giống cây trồng mới được Nhà nước bảo hộ phải tuân theo các quy định của Nghị định này và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

3. Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới chỉ cấp một lần cho người có quyền sở hữu Văn bằng bảo hộ sau khi đã được thẩm định về hình thức hồ sơ và thẩm định về nội dung hồ sơ không cấp lại.

4. Người được cấp Văn bằng bảo hộ giống cây trồng phải nộp lệ phí thẩm định và phí hàng năm để duy trì hiệu lực của Văn bằng bảo hộ.

Chương II

ĐIỀU KIỆN, TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC CẤP VĂN BẰNG BẢO HỘ

Điều 4. Điều kiện để giống cây trồng mới được bảo hộ.

Các giống cây trồng mới muốn được bảo hộ phải có đủ các điều kiện sau đây:

1. Giống cây trồng mới phải thuộc các chi, loài cây trồng trong danh mục được bảo hộ do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố.

2. Giống cây trồng mới phải có tính khác biệt.

Một giống cây trồng được coi là có tính khác biệt nếu giống đó mang một hay nhiều đặc tính chủ yếu, khác biệt rõ ràng với các giống cây trồng đã được biết đến một cách rộng rãi tại thời điểm nộp đơn yêu cầu bảo hộ.

3. Giống cây trồng mới phải có tính đồng nhất.

Một giống cây trồng được coi là có tính đồng

nhất nếu tất cả các cây của giống đó đều có biểu hiện như nhau về các đặc tính chủ yếu, ngoại trừ những sai lệch trong phạm vi cho phép đối với một số đặc tính cụ thể trong quá trình nhân giống.

4. Giống cây trồng mới phải có tính ổn định.

Một giống cây trồng được coi là có tính ổn định nếu khi nhân giống bằng phương pháp hữu tính hay vô tính mà các đặc tính chủ yếu của giống đó vẫn giữ được các biểu hiện như mô tả ban đầu, không bị thay đổi sau mỗi vụ nhân giống hoặc cuối mỗi chu kỳ nhân giống.

5. Giống cây trồng mới phải có tính mới về mặt thương mại.

Một giống cây trồng được coi là có tính mới về mặt thương mại nếu tại thời điểm nộp đơn yêu cầu bảo hộ, vật liệu nhân hoặc sản phẩm thu hoạch của giống cây trồng đó chưa được người có quyền nộp đơn hoặc người được ủy quyền hợp pháp bán hoặc phân phối với mục đích kinh doanh giống cây trên lãnh thổ Việt Nam trước ngày nộp đơn là 1 năm; ngoài lãnh thổ Việt Nam trước ngày nộp đơn là 6 năm đối với các nhóm cây thân gỗ và thân leo, 4 năm đối với các nhóm cây khác.

6. Giống cây trồng mới phải có tên gọi phù hợp, có thể dễ dàng phân biệt được với tên của các giống cây trồng khác được biết đến một cách rộng rãi trong cùng loài. Tên giống cây trồng mới sau khi được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận bằng văn bản sẽ là tên chính thức, kể cả sau khi hết thời hạn bảo hộ, không ai được tự do sử dụng.

Các kiểu đặt tên dưới đây không được Nhà nước chấp nhận:

- a) Chỉ bao gồm bằng các chữ số;
- b) Vi phạm đạo đức xã hội;
- c) Dễ gây hiểu nhầm đối với các đặc trưng, đặc tính của giống hoặc lai lịch của tác giả;
- d) Trùng hoặc tương tự tới mức gây nhầm lẫn

với nhãn hiệu hàng hóa, tên gọi xuất xứ đang được bảo hộ cho sản phẩm; trùng hoặc tương tự với sản phẩm thu hoạch của giống cây trồng đó.

Điều 5. Đối tượng được quyền yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ.

1. Tổ chức chọn tạo giống cây trồng mới bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc bằng nguồn vốn tự có thì tổ chức đó có quyền nộp đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ.

Cá nhân (tác giả giống) thực hiện nhiệm vụ chọn tạo giống cây trồng mới do tổ chức giao cho thì tổ chức đó có quyền nộp đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ.

2. Cá nhân chọn tạo giống cây trồng mới bằng công sức và nguồn tài chính của mình thì cá nhân đó có quyền nộp đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ.

3. Giống cây trồng mới được chọn tạo ra theo hợp đồng hợp tác giữa các bên thì quyền nộp đơn theo thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng; trong trường hợp hợp đồng không quy định rõ người có quyền nộp đơn, thì bên thuê người tạo giống cây trồng mới có quyền nộp đơn.

4. Trường hợp nhiều tổ chức, cá nhân yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ liên quan đến cùng một giống cây trồng mới thì tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trước được chấp nhận xem xét cấp Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới theo các quy định của Nghị định này.

5. Trong trường hợp các đối tượng tại mục 4 Điều này có cùng ngày nộp đơn thì đơn của tổ chức, cá nhân đầu tiên chọn tạo ra giống cây trồng mới đó được chấp nhận xem xét để cấp Văn bằng bảo hộ. Trường hợp không xác định được tổ chức, cá nhân đầu tiên chọn tạo ra giống cây trồng mới thì cơ quan có thẩm quyền từ chối chấp nhận các đơn. Các tổ chức, cá nhân nói trên có thể thỏa thuận để cùng đứng tên nộp một đơn duy nhất và được đồng chủ sở hữu khi Văn bằng bảo hộ được cấp.

Điều 6. Hồ sơ yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ.

1. Người yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ phải có hồ sơ bao gồm:

a) Đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ;

b) Tài liệu mô tả giống theo mẫu quy định cùng với ảnh chụp.

Hồ sơ phải bằng tiếng Việt; trong trường hợp tổ chức, cá nhân nước ngoài yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ thì ngoài hồ sơ bằng tiếng Việt còn phải có hồ sơ bằng tiếng Anh kèm theo.

2. Tổ chức, cá nhân có yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ phải nộp trực tiếp hoặc ủy quyền cho tổ chức, cá nhân làm đại diện nộp hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền.

3. Tổ chức, cá nhân nước ngoài có đại diện hợp pháp tại Việt Nam có yêu cầu cấp văn bằng bảo hộ được phép nộp hồ sơ trực tiếp hoặc ủy quyền cho tổ chức, cá nhân có tư cách pháp nhân làm đại diện nộp hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp tổ chức, cá nhân nước ngoài không có đại diện hợp pháp tại Việt Nam có yêu cầu cấp văn bằng bảo hộ phải nộp hồ sơ và làm các thủ tục liên quan thông qua các tổ chức dịch vụ đại diện có tư cách pháp nhân làm đại diện nộp hồ sơ.

4. Trong trường hợp hồ sơ yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều này, thì cơ quan có thẩm quyền phải xác nhận ngày nộp đơn, ghi rõ số hiệu đơn.

Điều 7. Thẩm định về hình thức hồ sơ yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ.

1. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nộp hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền phải hoàn thành thẩm định hồ sơ về mặt hình thức, xác định ngày nộp hồ sơ hợp lệ, ngày ưu tiên. Nếu cơ quan có thẩm quyền phát hiện hồ sơ chưa đầy đủ hoặc có sai sót, thì phải thông báo cho người nộp hồ sơ. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo người nộp hồ sơ phải đến giải trình hoặc sửa chữa, bổ sung hồ sơ. Trong trường hợp hồ sơ sửa chữa, bổ sung vẫn không phù hợp, hoặc không sửa chữa, bổ sung thì cơ quan có thẩm quyền có quyền từ chối xem xét hồ sơ đó.

2. Ngày nộp hồ sơ hợp lệ được xác định là ngày hồ sơ không còn thiếu sót hoặc là ngày hồ sơ được người nộp hồ sơ hoàn chỉnh và được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận.

3. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày người yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ nộp hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền phải tiến hành thẩm định xong bước một về các nội dung sau:

a) Đối tượng nộp hồ sơ có phù hợp với quy định tại Điều 5 Nghị định này không;

b) Giống cây trồng mới có thuộc các chi và loài trong danh mục được Nhà nước bảo hộ theo quy định tại khoản 1 Điều 4 không;

c) Giống cây trồng mới có thuộc đối tượng quy định tại khoản 3 và 4 Điều 1 của Nghị định này không;

d) Giống cây trồng mới có đáp ứng điều kiện tính mới về mặt thương mại theo quy định tại khoản 5 Điều 4 của Nghị định này không;

d) Tên giống cây trồng mới có phù hợp với khoản 6 Điều 4 của Nghị định này không. Nếu tên giống cây trồng mới không phù hợp thì cơ quan có thẩm quyền phải thông báo cho người nộp hồ sơ biết. Người nộp hồ sơ có trách nhiệm đặt tên mới và đệ trình cho cơ quan có thẩm quyền chậm nhất 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Nếu tên giống sau khi thay đổi vẫn không phù hợp thì cơ quan có thẩm quyền có quyền từ chối xem xét hồ sơ đó.

4. Trong quá trình thẩm định hồ sơ về mặt nội dung, cơ quan có thẩm quyền có thể yêu cầu người nộp hồ sơ đến sửa chữa thiếu sót liên quan đến hình thức và nội dung hồ sơ. Nếu người nộp hồ sơ không đến bổ sung, sửa chữa thì cơ quan có thẩm quyền có quyền bác đơn.

5. Trong trường hợp hồ sơ sau thẩm định bước một, được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận bằng văn bản, thì cơ quan có thẩm quyền thông báo trên tạp chí chuyên ngành và thông báo cho người nộp đơn đến làm thủ tục thẩm định bước hai.

Điều 8. Thẩm định về nội dung hồ sơ cấp Văn bằng bảo hộ.

1. Sau thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo quy định tại khoản 5 Điều 7 của Nghị định này, người nộp hồ sơ phải nộp mẫu giống cho cơ quan khảo nghiệm DUS.

2. Khảo nghiệm DUS được thực hiện theo quy phạm khảo nghiệm đối với từng loài cây trồng mới do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành. Cơ quan có thẩm quyền thẩm định bước 2 về tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống cây trồng mới dựa trên kết quả khảo nghiệm DUS của cơ quan khảo nghiệm.

3. Sau khi có kết quả thẩm định bước hai, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm:

a) Thông báo dự định cấp Văn bằng bảo hộ trên tạp chí chuyên ngành nếu giống cây trồng mới đáp ứng quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều 4 của Nghị định này;

b) Sau thời hạn 30 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền thông báo dự định cấp Văn bằng bảo hộ trên tạp chí chuyên ngành, nếu không có ý kiến phản đối thông báo đó, thì cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục cấp Văn bằng bảo hộ; nếu có ý kiến phản đối thì trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến phản đối, cơ quan có thẩm quyền phải xem xét và kết luận;

c) Bác đơn và thông báo cho người nộp hồ sơ, thông báo trên tạp chí chuyên ngành về việc hồ sơ qua thẩm định bước hai không phù hợp với quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 4 của Nghị định này.

4. Trong trường hợp có ý kiến không đồng ý về việc bác đơn, thì trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo bác đơn, người nộp hồ sơ có quyền gửi đơn khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

5. Giống đủ điều kiện được cấp Văn bằng bảo hộ, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ký quyết định cấp Văn bằng bảo hộ.

Theo yêu cầu của Chủ sở hữu Văn bằng bảo

hộ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có thể cấp phó bản Văn bằng bảo hộ cho chủ sở hữu Văn bằng bảo hộ nếu thấy có lý do chính đáng.

Điều 9. Thời hạn bảo hộ giống cây trồng mới.

Thời hạn bảo hộ đối với giống cây trồng mới là 20 năm; đối với giống cây thân gỗ là 25 năm, kể từ ngày cấp Văn bằng bảo hộ.

Thời hạn bảo hộ đối với giống cây trồng mới kể từ ngày cấp Văn bằng bảo hộ đến hết ngày kết thúc thời hạn hiệu lực của Văn bằng bảo hộ hoặc đến ngày chấm dứt hiệu lực của Văn bằng bảo hộ.

Điều 10. Quyền ưu tiên.

1. Người nộp đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới có thể yêu cầu được hưởng quyền ưu tiên khi đơn đầu tiên đã nộp tại các nước cùng Việt Nam ký kết hoặc tham gia điều ước quốc tế về bảo hộ giống cây trồng mới, mà trong thời hạn 12 tháng nộp đơn thứ 2 xin bảo hộ cùng một giống cây trồng đó trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nộp hồ sơ thứ 2, tổ chức, cá nhân muốn được hưởng quyền ưu tiên phải nộp hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền bản sao hồ sơ của lần nộp đơn đầu tiên có xác nhận của cơ quan đã tiếp nhận hồ sơ lần đầu tiên và các mẫu vật, bằng chứng khác để chứng minh giống cây trồng mới trong hai đơn đó là cùng một đối tượng.

3. Đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ được hưởng quyền ưu tiên có ngày ưu tiên tương ứng là ngày nộp đơn hợp lệ đầu tiên.

Chương III

QUYỀN LỢI VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ SỞ HỮU VĂN BẰNG BẢO HỘ VÀ CỦA TÁC GIẢ GIỐNG CÂY TRỒNG MỚI

Điều 11. Quyền của chủ sở hữu Văn bằng bảo hộ.

1. Chủ sở hữu Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới có quyền cho phép sử dụng hay không cho phép sử dụng vật liệu nhân của giống được bảo hộ, sản phẩm thu hoạch nhận được từ việc gieo trồng vật liệu nhân của giống được bảo hộ trong các hoạt động sau:

- a) Sản xuất hay nhân giống vì mục đích kinh doanh;
- b) Chế biến giống vì mục đích kinh doanh;
- c) Chào hàng;
- d) Bán hay các hình thức kinh doanh khác;
- e) Xuất khẩu;
- e) Nhập khẩu;
- g) Tàng trữ nhằm thực hiện các hoạt động quy định tại điểm a, b, c, d, e khoản này.

2. Trong thời hạn kể từ ngày nộp đơn hợp lệ đến ngày cấp Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới, chủ sở hữu Văn bằng bảo hộ có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân khác bồi thường thiệt hại do việc thực hiện các hành vi liên quan đến vật liệu nhân và sản phẩm thu hoạch của giống cây được bảo hộ theo quy định tại khoản 1 Điều này mà chưa được phép của chủ sở hữu Văn bằng bảo hộ.

3. Quyền của chủ sở hữu Văn bằng bảo hộ đối với các hoạt động quy định tại khoản 1 và 2 Điều này còn được áp dụng trong các trường hợp sau đây:

- a) Giống cây trồng mới có nguồn gốc thực chất từ giống được bảo hộ khi giống được bảo hộ bản thân nó không phải là giống có nguồn gốc thực chất từ một giống được bảo hộ khác;
- b) Giống cây trồng mới không khác biệt rõ ràng với giống được bảo hộ;
- c) Giống cây trồng mới mà việc nhân giống của nó đòi hỏi phải sử dụng lặp lại giống được bảo hộ.

4. Chủ sở hữu Văn bằng bảo hộ có quyền tự mình khai thác hoặc chuyển giao quyền khai thác

giống cây trồng mới cho tổ chức, cá nhân khác. Hợp đồng chuyển giao quyền khai thác giống cây trồng mới được lập thành văn bản và đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền.

5. Chủ sở hữu Văn bằng bảo hộ có quyền thừa kế, chuyển nhượng quyền sở hữu Văn bằng bảo hộ theo quy định của pháp luật.

6. Chủ sở hữu Văn bằng bảo hộ có quyền yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi xâm phạm quyền và yêu cầu người xâm phạm bồi thường thiệt hại.

7. Chủ sở hữu Văn bằng bảo hộ giống không có quyền được bảo hộ trong các trường hợp sau đây:

- a) Giống sử dụng cho nhu cầu cá nhân không vì mục đích thương mại;
- b) Nông dân gieo trồng các vật liệu nhân của giống được bảo hộ lấy sản phẩm thu hoạch để làm giống cho các vụ tiếp theo tại trang trại của họ hoặc trao đổi cho nhau giữa các hộ nông dân;
- c) Giống sử dụng để lai tạo ra các giống cây trồng mới khác, trừ trường hợp giống đó là giống có nguồn gốc thực chất từ giống được bảo hộ.

Điều 12. Nghĩa vụ của chủ sở hữu Văn bằng bảo hộ.

Chủ sở hữu Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới có các nghĩa vụ sau:

1. Trực tiếp duy trì hoặc ủy quyền cho người khác duy trì vật liệu nhân của giống được bảo hộ và cung cấp vật liệu nhân đó theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền để lưu giữ quỹ gen, làm mẫu chuẩn và gieo trồng để kiểm tra tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống được bảo hộ;

2. Chủ sở hữu Văn bằng bảo hộ là tổ chức, cá nhân Việt Nam phải trả thù lao cho tác giả giống được quy định tại Điều 5 của Nghị định này. Nếu giữa tác giả và chủ sở hữu Văn bằng bảo hộ không có thỏa thuận nào khác, thì mức thù lao tối thiểu không thấp hơn 20% số tiền làm lợi mà chủ sở hữu Văn bằng bảo hộ thu được trong mỗi

năm khai thác giống cây trồng mới; hoặc 30% tổng số tiền mà chủ sở hữu Văn bằng nhận được trong mỗi lần nhận tiền thanh toán do bán lixăng hoặc do được đền bù từ việc cấp lixăng không tự nguyện;

3. Nộp lệ phí khi nộp hồ sơ yêu cầu thẩm định về hình thức và nội dung hồ sơ để cấp Văn bằng bảo hộ và nộp phí hàng năm kể từ năm được cấp Văn bằng bảo hộ để duy trì hiệu lực của Văn bằng đó;

4. Tổ chức, cá nhân Việt Nam khi muốn chuyển nhượng quyền sở hữu Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới cho tổ chức, cá nhân nước ngoài khi được sự đồng ý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 13. Hạn chế quyền của chủ sở hữu Văn bằng bảo hộ.

1. Chủ sở hữu Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới chỉ có thể thực hiện quyền khai thác giống cây trồng mới vào mục đích sản xuất đại trà trên lãnh thổ Việt Nam khi giống cây trồng mới được công nhận giống quốc gia theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Vì lợi ích quốc gia hoặc lợi ích chung, cơ quan có thẩm quyền có thể ra quyết định cấp lixăng không tự nguyện để khai thác giống cây trồng mới đã được bảo hộ. Việc cấp lixăng không tự nguyện chỉ được thực hiện với các điều kiện quy định tại Điều 802 Bộ Luật Dân sự.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét và ra quyết định cấp lixăng không tự nguyện để khai thác giống cây trồng được bảo hộ.

Tổ chức, cá nhân nhận lixăng không tự nguyện phải trả lệ phí khai thác giống cho chủ sở hữu Văn bằng bảo hộ, mức phí này do các bên thỏa thuận theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định cấp lixăng không tự nguyện, nếu chủ sở hữu Văn bằng bảo hộ không đồng ý với quyết định đó thì có quyền khiếu nại với cơ quan nhà

nước có thẩm quyền theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của tác giả giống cây trồng mới.

1. Tác giả giống cây trồng mới được quy định tại khoản 1, 2, 4 Điều 5 của Nghị định này có quyền:

a) Được ghi tên trong Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới, đăng bạ quốc gia về giống cây trồng mới;

b) Nhận thù lao của chủ sở hữu Văn bằng bảo hộ theo quy định tại khoản 3 Điều 12 của Nghị định này;

c) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý, khởi kiện về việc xâm phạm các quyền quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này.

2. Tác giả giống cây trồng mới có nghĩa vụ giúp chủ sở hữu Văn bằng bảo hộ thực hiện nghĩa vụ duy trì vật liệu nhân của giống cây trồng mới được bảo hộ.

Chương IV

ĐÌNH CHỈ VÀ HỦY BỎ VĂN BẰNG BẢO HỘ

Điều 15. Đình chỉ Văn bằng bảo hộ.

1. Văn bằng bảo hộ bị đình chỉ khi vi phạm một trong các trường hợp sau đây:

a) Chủ sở hữu Văn bằng bảo hộ không thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Điều 12 của Nghị định này;

b) Giống cây trồng không đáp ứng tính đồng nhất hoặc tính ổn định như tại thời điểm Văn bằng bảo hộ được cấp.

2. Bất kỳ người thứ ba nào cũng có quyền nộp đơn yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xem xét việc đình chỉ hiệu lực của Văn bằng bảo hộ với các lý do nêu tại khoản 1 Điều này.

3. Văn bằng bảo hộ được khôi phục hiệu lực khi chủ sở hữu Văn bằng bảo hộ thực hiện đầy đủ nghĩa vụ quy định tại Điều 12 hoặc duy trì lại được tính đồng nhất, tính ổn định như tại thời điểm Văn bằng bảo hộ được cấp.

Điều 16. Hủy bỏ Văn bằng bảo hộ.

Văn bằng bảo hộ bị hủy bỏ trong các trường hợp sau:

1. Giống cây trồng không còn duy trì được các đặc trưng, đặc tính vốn có của nó như tại thời điểm Văn bằng bảo hộ được cấp;

2. Chủ sở hữu Văn bằng bảo hộ tự nguyện yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giống cây trồng mới hủy bỏ Văn bằng bảo hộ;

3. Khi phát hiện chủ sở hữu Văn bằng bảo hộ không phải là đối tượng cấp Văn bằng bảo hộ như quy định tại Điều 5 của Nghị định này.

Điều 17. Hiệu lực của việc đình chỉ và hủy bỏ Văn bằng bảo hộ.

1. Khi Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới bị hủy bỏ, chủ sở hữu Văn bằng bảo hộ phải trả lại toàn bộ hoặc một phần kinh phí cho người mua lixăng để khai thác giống cây trồng mới hoặc cho người được nhận chuyển nhượng quyền sở hữu Văn bằng bảo hộ.

2. Quyết định đình chỉ, hủy bỏ Văn bằng bảo hộ trước thời hạn đối với Văn bằng bảo hộ không ảnh hưởng tới các quyết định trước đó của tòa án hoặc của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về các hành vi xâm phạm quyền của chủ sở hữu Văn bằng bảo hộ.

3. Trong thời gian Văn bằng bảo hộ bị đình chỉ, chủ sở hữu Văn bằng bảo hộ không được hưởng các quyền quy định tại Điều 11 của Nghị định này.

4. Chủ sở hữu Văn bằng bảo hộ nếu không đồng ý với quyết định đình chỉ hoặc hủy bỏ hiệu lực của Văn bằng bảo hộ có thể khiếu kiện và được giải quyết theo Luật Khiếu nại, tố cáo.

Chương V

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BẢO HỘ GIỐNG CÂY TRỒNG MỚI

Điều 18. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc quản lý nhà nước về bảo hộ giống cây trồng mới.

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện quản lý nhà nước về bảo hộ giống cây trồng mới có trách nhiệm:

a) Trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về bảo hộ giống cây trồng mới;

b) Cấp Văn bằng bảo hộ, thu hồi Văn bằng bảo hộ;

c) Tổ chức đào tạo cán bộ để đáp ứng cho công tác bảo hộ giống cây trồng mới;

d) Kiểm tra, thanh tra và xử lý các vi phạm về bảo hộ giống cây trồng mới;

đ) Giải quyết khiếu nại, tố cáo về bảo hộ giống cây trồng mới.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao cơ quan có thẩm quyền thực hiện chức năng quản lý nhà nước của Bộ về bảo hộ giống cây trồng mới có nhiệm vụ: Tổ chức, hướng dẫn việc lập, tiếp nhận, thẩm định hồ sơ để trình lãnh đạo Bộ cấp, đình chỉ, hủy bỏ, thu hồi Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới.

Điều 19. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các hoạt động bảo hộ giống cây trồng mới trên địa bàn có nhiệm vụ:

1. Tổ chức quản lý giống cây trồng mới trong phạm vi địa phương theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

www.TruyVietPhapLuac.com
Tel: +84-8-3645 6684
01659777

2. Kiểm tra và xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm bản quyền giống cây trồng mới ở địa phương.

Chương VI

XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 20. Xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm.

Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các quy định của pháp luật về bảo hộ giống cây trồng mới, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm bị xử phạt hoặc truy cứu trách nhiệm trước pháp luật, nếu gây thiệt hại nặng thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Xử lý người có chức vụ, quyền hạn có hành vi vi phạm.

Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn có hành vi vi phạm các quy định về việc bảo hộ giống cây trồng mới, về cấp Văn bằng bảo hộ, bao che cho người vi phạm pháp luật về bảo hộ giống cây trồng mới và có các hành vi khác trái với các quy định của pháp luật về bảo hộ giống cây trồng mới, tùy theo tính chất và mức độ bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành.

Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký, những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 23. Điều khoản thi hành.

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

2. Bộ Tài chính có trách nhiệm phối hợp Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn mức phí, lệ phí, quản lý và sử dụng phí và lệ phí về bảo hộ giống cây trồng mới.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ

Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 467/QĐ-TTg ngày 17/4/2001 về việc thành lập Ban Chủ nhiệm Chương trình phòng, chống tác hại của thuốc lá.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Nghị quyết của Chính phủ số 12/2000/NQ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2000 về Chính sách quốc gia về phòng chống tác hại của thuốc lá trong giai đoạn 2000 - 2010;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chủ nhiệm Chương